

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/01/2025 của UBND huyện Phước Sơn)

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSDP	710.494	578.550	131.944
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	470.435	377.618	92.817
I	Chi đầu tư phát triển	106.119	98.653	7.466
1	Chi đầu tư cho các dự án	106.119	98.653	7.466
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.500	1.500	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	280.540	196.869	83.671
	Trong đó:			
1	Chi quốc phòng	3.044	1.810	1.234
2	Chi An ninh	2.654	1.550	1.104
3	Chi SN giáo dục, ĐT và dạy nghề	107.188	106.708	480
4	Chi sự nghiệp y tế	510	150	360
5	Chi SN Khoa học công nghệ	-	-	-
6	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	4.757	3.138	1.619
7	Chi SN Phát thanh, truyền hình	2.712	1.752	960
8	Chi Sự nghiệp Thể dục Thể thao	2.180	500	1.680
9	Chi đảm bảo xã hội	7.769	6.249	1.520
10	Chi sự nghiệp kinh tế	36.402	24.929	11.473
11	Chi sự nghiệp môi trường	1.950	1.230	720
12	Chi QLNN, Đảng, đoàn thể	101.754	39.653	62.101
13	Chi khác	9.620	9.200	420
III	Dự phòng ngân sách	16.548	14.868	1.680
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	67.228	67.228	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	240.059	200.932	39.127
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	37.262	36.406	856
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	856	-	856
	Đầu tư	856		856
	Thường xuyên	-		
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	36.406	36.406	-
	Đầu tư	36.406	36.406	
	Thường xuyên			
3	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-	-	-
	Đầu tư			
	Thường xuyên			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	202.797	164.526	38.271
1	Vốn đầu tư	38.810	38.810	
2	Vốn sự nghiệp	163.987	125.716	38.271